TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H P1**
Số: 262/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 07 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 293/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Nguyễn Thị L Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phạm Huy P Sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ông Phạm Huy P và bà Nguyễn Thị L yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyển số 36 do Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/9/1989 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà L là hợp pháp.

Xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa ông Phạm Huy P và bà Nguyễn Thị L.

[3] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: **Ô**ng P và bà L có 03 con chung tên Phạm Huy P1, sinh ngày 11/8/1990; Phạm Thị Hồng Đ, sinh ngày 19/02/1994 và Phạm Thị Hồng H, sinh ngày 04/12/1996. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Huy P và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 04, Quyển số 36 do Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp ngày 12/9/1989).

- Về con chung: Ông P và bà L có 03 con chung tên Phạm Huy P1, sinh ngày 11/8/1990; Phạm Thị Hồng Đ, sinh ngày 19/02/1994 và Phạm Thị Hồng H, sinh ngày 04/12/1996. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà L đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027808 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà L đã nộp đủ lệ phí. Ông P không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P1 thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Lưu (VT), hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi